TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 06-5-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh và ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Xuân Q, sinh năm 1958 và bà Lê Thị N, sinh năm 1971.

Cùng ở địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện O, thành phố Hà Nội.

(Ông Q ủy quyền cho bà N theo văn bản ủy quyền ngày 10-9-2020; ông Q, bà N có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn L, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1966.

Cùng ở địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Ông L có mặt; bà Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, ông Vũ Xuân Q, bà Lê Thị N (ông Q ủy quyền cho bà N) là nguyên đơn trình bày: Bà Lê Thị N là em gái của bà Lê Thị Ng, trước đây vợ chồng bà Lê Thị Ng, ông Vũ Văn L có vay tiền và vàng của vợ chồng bà Lê Thị N, ông Vũ Xuân Q, cụ thể: Ngày 22-11-2012 vay 20 chỉ vàng 99,99%, thời hạn trả là 01 năm; ngày 16-5-2013 vay số tiền 28.500.000 đồng, thời hạn trả là 06 tháng, lãi suất là 1%/tháng. Khi vay thì hai bên có viết giấy biên nhận vay nợ và kí nhận với nhau. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông bà đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng bà Ng, ông L chưa trả cho ông bà bất kì khoản gốc và lãi nào.

Nay ông Q, bà N yêu cầu vợ chồng ông L, bà Ng phải trả cho ông bà toàn bộ số vàng và tiền đã vay là 20 chỉ vàng 99,99% và 28.500.000 đồng. Vì là chị em ruột thịt trong gia đình nên ông bà không yêu cầu trả lãi.

Tại lời khai tại Tòa án, bị đơn là ông Vũ Văn L, bà Lê Thị Ng trình bày: Về mối quan hệ anh, chị em trong gia đình và việc vợ chồng ông bà vay 20 chỉ vàng 99,99% và 28.500.000 đồng của ông Q, bà N cũng như thời điểm vay là hoàn toàn đúng như ông Q, bà N trình bày. Khi vay thì hai bên có viết giấy biên nhận và kí nhận với nhau. Tuy nhiên, ông L bà Ng không đồng ý trả toàn bộ số nợ trên, ông bà xác định trước đây ông bà đã trả được cho ông Q, bà N một phần nợ nên ông bà đề nghị vợ chồng ông Q tính lại để trừ cho ông bà một phần nợ gốc. Ông bà cũng xác định vì là chị em với nhau nên khi trả nợ thì hai bên tin tưởng nhau nên không viết giấy biên nhận, ông bà cũng không nhớ rõ thời điểm trả nợ cụ thể, không có ai khác chứng kiến việc trả nợ.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân Q, bà Lê Thị N đối với ông Vũ Văn L, bà Lê Thị Ng về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Buộc ông Vũ Văn L và bà Lê Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Xuân Q và bà Lê Thị N số vàng nợ vay là 20 chỉ vàng

99,99% và số tiền vay là 28.500.000 đồng. Án phí: Ông L, bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.580.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Vũ Xuân Q ủy quyền cho bà Lê Thị N tham gia tố tụng tại Tòa án; bị đơn là bà Lê Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết: Vợ chồng ông Q, bà N và vợ chồng ông L, bà Ng thỏa thuận với nhau về việc cho vay vàng và tiền, theo đó ông Q, bà N đã giao vàng và tiền cho ông L, bà Ng và các bên viết giấy biên nhận, ký nhận là hoàn toàn tự nguyện. Khi tham gia giao dịch các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Giao dịch được xác lập và thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nay mới có tranh chấp nên Tòa án áp dụng các quy định tương ứng về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định ngày 22-11-2012 vợ chồng ông L, bà Ng vay 20 chỉ vàng 99,99% của vợ chồng ông Q, bà N; ngày 16-5-2013 vợ chồng ông L, bà Ng tiếp tục vay số tiền 28.500.000 đồng của vợ chồng ông Q, bà N, hai lần vay này hai bên đều viết giấy biên nhận và kí nhận với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định việc vay nợ và số nợ nêu trên giữa vợ chồng ông L, bà Ng và vợ chồng ông Q, bà N là có thật.

[4] Nay ông Q, bà N chỉ yêu cầu ông L, bà Ng trả các khoản nợ gốc trên, không yêu cầu trả lãi. Còn ông L, bà Ng không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả một phần khoản nợ gốc nêu trên với lí do là trước đây ông bà đã có một số lần trả nợ cho vợ chồng ông Q, bà N nên số nợ gốc không còn nhiều như thế. Tuy nhiên, ông L, bà Ng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh

đã trả được một phần nợ nên quan điểm của ông L, bà Ng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà N. Buộc ông L, bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q, bà N khoản nợ gốc là 20 chỉ vàng 99,99% và số tiền 28.500.000 đồng, không phải trả lãi là hoàn toàn phù hợp với các Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo kết quả xác minh tại thời điểm xét xử thì 01 chỉ vàng 99,99% có giá là 5.200.000 đồng. Như vậy, 20 chỉ vàng 99,99% có giá là 104.000.000 đồng. Theo đó, tổng mức án phí bị đơn phải chịu sau khi quy đổi vàng ra tiền Việt Nam là: 104.000.000 đồng + 28.500.000 đồng = 132.500.000 đồng x 5% = 6.625.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân Q và bà Lê Thị N. Buộc ông Vũ Văn L và bà Lê Thị Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Q và bà N 20 (hai mươi) chỉ vàng 99,99% và 28.500.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Chia phần ông L phải trả nợ cho ông Q, bà N 10 chỉ vàng 99,99% và số tiền 14.250.000 đồng. Bà Ng phải trả nợ cho ông Q, bà N 10 chỉ vàng 99,99% và số tiền 14.250.000 đồng.

2. Án phí: Ông Vũ Văn L và bà Lê Thị Ng phải liên đới chịu 6.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể ông L phải chịu 3.310.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn), bà Ng phải chịu 3.310.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí 1.580.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004237 ngày 30-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo